

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 289/2024/HC-PT

Ngày: 10/5/2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;
Ông Nguyễn Nam Thành.

- **Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 28/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4483/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông [Nguyễn Văn K](#), sinh năm 1977 và bà [Lương Thi K1](#), sinh năm 1980, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: [Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Bùi Huy T](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [Khu E, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh](#), (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Vũ Văn D](#) – Chức vụ: Phó Chủ tịch [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) (văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) là Luật sư [Đỗ Tuấn N](#) – [Công ty L2](#), [Chi nhánh H1](#), (có mặt);

- Chủ tịch [Ủy ban nhân dân huyện V](#), tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Nguyễn Đức M](#) – Chức vụ: Phó Chủ tịch [UBND huyện V](#) (văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023), vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- [Ủy ban nhân dân huyện V](#), tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Nguyễn Đức M](#) – Chức vụ: Phó Chủ tịch [UBND huyện V](#) (văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023), xin xét xử vắng mặt.

- [Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V](#);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Hà Mạnh T1](#) – Chức vụ: Phó Chủ tịch [UBND xã Đ](#) (văn bản ủy quyền ngày 16/9/2023), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông [Nguyễn Văn K](#), bà [Lương Thị K1](#) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để thực hiện dự án khu xen kẹp giữa Cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến giao thông trục chính nối các khu chức năng chính [khu K tại xã Đ, huyện V](#). Ngày 21/4/2017, [UBND huyện V](#) ra thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND để thực hiện GPMB dự án. Theo Thông báo trên, ngày 16/12/2019 UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 4939/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4940/QĐ-UBND thu hồi 03 thửa đất của gia đình ông gồm:

Thửa số 5 tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng thửa đất số 966 tờ bản đồ giải thửa I (2), tổng diện tích 872,3m² thu hồi hết. Thửa đất này đã được [UBND huyện V](#) cấp GCNQSD đất số 527 ngày 23/11/1998 với diện tích đất ở là 200m². Diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 672,3m².

Thửa số 6 tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng thửa đất số 956 tờ bản đồ giải thửa I (2), tổng diện tích 329,6m² thu hồi 268,9m², diện tích còn lại là 60,7m².

Thửa số 14E tờ bản đồ GPMB số 01 diện tích 121,8m² thu hồi hết.

Theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4940/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của [UBND huyện V](#) thì gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.523.121.000đ, cụ thể:

Về đất: 200m² đất ở x 2.300.000đ = 460.000.000đ; Đất nông nghiệp: 1.063,2m² x 38.000đ = 40.394.000đ; Vật kiến trúc: 834.992.000đ; Cây cối hoa màu: 41.672.000đ; Chính sách hỗ trợ: 146.063.000đ; Tái định cư: gia đình được bố trí 01 ô đất tái định cư.

Sau khi xem xét quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, thấy rằng gia đình ông đủ điều kiện được bồi thường 400m² đất ở và đủ điều kiện được bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ phụ chủ là con gái và con rể là [Nguyễn Đăng L – Nguyễn Thi T2](#). Nhưng [Ủy ban nhân dân huyện V](#) mới bồi thường cho gia đình ông 200m² đất ở và bố trí 01 ô đất tái định cư là chưa đúng quy định, bởi lẽ:

Thứ nhất: Tại phương án bồi thường, [UBND huyện V](#) mới lập và phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông 200m² đất ở là chưa đủ hạn mức đất ở theo Quyết định số 2515/2000/QĐ-UBND ngày 02/10/2000 của [UBND tỉnh Q](#) hạn mức giao đất tại khu vực nông thôn, xã trung du, miền núi, hải đảo không quá 400m² nhưng [UBND huyện V](#) mới bồi thường cho gia đình ông 200m² đất ở là thiếu hạn mức.

Theo ông được biết năm 2015 và 2016, [UBND tỉnh Q](#) đã ban hành 02 văn bản hướng dẫn liên quan đến việc xác định lại hạn mức đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn [huyện V](#) là: Văn bản số 7991/UBND-QLĐĐ2 ngày 28/12/2015 và Văn bản số 5791/UBND-QLĐĐ1 ngày 16/9/2016 của [UBND tỉnh Q](#), cụ thể: [UBND tỉnh Q](#) có ý kiến chỉ đạo: Về việc xác định lại, bổ sung diện tích công nhận đất ở do việc trước đây cấp GCNQSD đất thiếu hạn mức đất ở (giai đoạn từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004): Đồng ý [UBND huyện V](#) xác định lại hạn mức công nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ cấp GCNQSD đất hợp lệ (phù hợp Quyết định số 2515/2000/QĐ-UBND ngày 02/10/2000 của [UBND tỉnh Q](#)).

Xét thấy văn bản hướng dẫn, chỉ đạo nêu trên của [UBND tỉnh Q](#) hoàn toàn phù hợp với trường hợp của gia đình ông. Năm 1998 [UBND huyện V](#) mới cấp cho gia đình ông 200m² đất ở, vì vậy còn thiếu 200m² nữa mới đủ hạn mức. Xét về thời điểm cấp đất ngày 23/11/1998 tức là nằm trong giai đoạn từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004, phù hợp với ý kiến chỉ đạo của [UBND tỉnh Q](#) về việc xác định lại, bổ sung diện tích công nhận đất ở do việc trước đây cấp GCNQSD đất còn thiếu hạn mức đất ở.

Trên tinh thần Văn bản số 7991/UBND-QLĐĐ2 ngày 28/12/2015 và Văn bản số 5791/UBND-QLĐĐ1 ngày 16/9/2016 của [UBND tỉnh Q](#), ông đề nghị Chủ tịch [UBND huyện V](#) xác định lại hạn mức đất ở cho gia đình ông tại thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ và sửa đổi phương án bồi thường để bồi thường đủ hạn mức 400m² đất ở (bồi thường thêm 200m² đất ở).

Thứ hai: Tại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4940/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của [UBND huyện V](#) mới phê duyệt cho gia đình ông 01 ô đất tái định cư là chưa đúng pháp luật, bởi lẽ:

Toàn bộ diện tích đất ở của gia đình ông bị thu hồi hết. Tại thời điểm thu hồi đất, trên thửa đất của ông có 05 nhân khẩu, 02 thế hệ, 02 cặp vợ chồng cùng sinh sống ổn định trên thửa đất GPMB là: Vợ chồng ông [Nguyễn Văn K](#) –

[Lương Thị K1](#); con gái ông là [Nguyễn Thu T3](#); vợ chồng con gái con rể là [Nguyễn Đăng L](#) – [Nguyễn Thị T2](#). Theo Luật cư trú năm 2020 vợ chồng con gái, con rể ông là cặp vợ chồng thứ hai đủ điều kiện được tách thành hộ riêng, vì vậy vợ chồng con gái con rể ông là [Nguyễn Đăng L](#) – Nguyễn Thị Thanh đủ điều kiện được bố trí thêm 01 ô đất Tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Điều 8 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của [UBND tỉnh Q](#).

Ngoài ra, sau khi Nhà nước thu hồi đất, hộ phụ chủ là con gái con rể ông là [Nguyễn Đăng L](#) – Nguyễn Thị Thanh buộc phải di chuyển chỗ ở. Tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng con gái con rể ông không có đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn [xã Đ](#) nên cuộc sống khó khăn vì không có chỗ ở ổn định.

Ngày 28/7/2022, ông đã khiếu nại đến Chủ tịch [UBND huyện V](#) đề nghị xác định lại hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và sửa đổi phương án để bồi thường cho đủ hạn mức 400m² đất ở (tức bồi thường thêm 200m² đất ở) và đề nghị bố trí thêm 01 ô đất tái định cư.

Ngày 10/10/2022 Chủ tịch [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định số 5473/QĐ-CT giải quyết khiếu nại, nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#). Ngày 04/5/2023 Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) ban hành Quyết định số 1117/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu:

(1) Hủy Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) (lần hai); Quyết định số 5473/QĐ-CT ngày 10/10/2022 của Chủ tịch [UBND huyện V](#) về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) (lần đầu);

(2) Buộc [UBND huyện V](#) phải xác định lại hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình ông tại thời điểm nộp hồ sơ cấp GCNQSD đất hợp lệ và sửa đổi phương án bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở cho gia đình ông;

(3) Buộc [UBND huyện V](#) bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ phụ chủ là vợ chồng con gái con rể [Nguyễn Đăng L](#) – [Nguyễn Thị T2](#).

** Người bị kiện là Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông [Nguyễn Văn K](#).

Thửa đất số 5 tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng thửa đất số 966, tờ bản đồ giải thửa số I (2) như sau:

- Về đất: Tổng diện tích thửa đất: 872,3m²; Diện tích đất thu hồi: 872,3m²; Diện tích còn lại: 0,0m²

- Nguồn gốc sử dụng đất:

+ Diện tích 200m² (đất ở nông thôn): Ngày 05/5/1998, UBND huyện V ban hành Quyết định số 286/QĐ/UB “V/v giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở” cho ông Nguyễn Duy K2 (Nguyễn Văn K); Ngày 23/11/1998, ông Nguyễn Duy K2 được UBND huyện V cấp giấy CNQSD đất số 527, diện tích 200m² (nhà ở).

+ Diện tích tăng 672,3m² so với giấy CNQSD đất: Do ông Nguyễn Văn K sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây từ năm 1998 cho đến thời điểm thu hồi đất.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn: 200m²

- Hiện trạng sử dụng diện tích 672,3m² đất trồng cây và xây dựng công trình.

2. Về hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn K

- Tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Duy K2) thể hiện:

+ Ngày 30/3/1998, ông Nguyễn Duy K2 có đơn xin đất làm nhà. Nội dung trong đơn ghi “Hiện nay tôi mới xây dựng gia đình, gia đình tôi anh em còn đông, gia đình chật hẹp. Vậy tôi viết đơn này để các quý ban ngành giải quyết cho tôi. Vị trí khu đất xin: Đất đấu thầu nhà ông Trần L1 cạnh bờ tre sau nhà D1 Sáu”;

+ Ngày 05/5/1998, UBND huyện V có Quyết định số 286/QĐ-UB về việc giao quyền sử dụng 200m² đất cho ông Nguyễn Duy K2 để xây dựng nhà ở;

+ Đơn xin cấp Giấy CNQSD đất không ghi ngày tháng năm mang tên ông Nguyễn Duy K2 được UBND xã Đ xác nhận nội dung: “Diện tích xin cấp: 200m². Mục đích sử dụng: làm nhà ở; thời hạn sử dụng: ổn định lâu dài”;

+ Biên bản kiểm tra thực địa không ghi ngày tháng năm, mang tên ông Nguyễn Duy K2 được UBND xã Đ xác nhận nội dung: “Vị trí, địa danh thửa đất: số thửa 966; thực trạng sử dụng đất: 200m²; diện tích đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận 200m²”;

- Ngày 24/10/1998, phòng Địa chính huyện V có giấy báo nộp tiền số 18-GB/ĐC gửi đến ông Nguyễn Duy K2, được giao đất tại khu C, xã Đ, huyện V, vị trí được giao tờ bản đồ số I (2) số thửa 1 (966) diện tích được giao 200m², đơn giá tiền sử dụng đất 3.000đ/m².

- Ngày 23/11/1998, ông Nguyễn Duy K2 kê khai nộp tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở diện tích 200m² tại tờ bản đồ số I (2) số thửa 1 (966) thôn C, xã Đ, huyện V.

+ Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) nộp 600.000đ tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước;

+ Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) được [UBND huyện V](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 527/QSDĐ với tổng diện tích 200m² đất ở (trang 4 có nội dung đính chính Nguyễn Duy Khánh thành [Nguyễn Văn K](#)).

3. Việc thu hồi đất, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông [Nguyễn Văn K](#)

Thực hiện dự án khu xen kẹp giữa cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến giao thông trục chính nối các khu chức năng chính [khu K tại xã Đ, huyện V](#). Ngày 21/4/2017, [UBND huyện V](#) có Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND để thực hiện GPMB dự án. Theo đó, diện tích đất gia đình ông [K](#) đang sử dụng bị thu hồi gồm 03 thửa đất như sau:

(1) Thửa đất số 5 tờ bản đồ GPMB số 01, tương ứng thửa đất số 966 diện tích, tờ bản đồ giải thửa số I(2), tổng diện tích thửa đất 872,3m², thu hồi hết (thửa đất đã được [UBND huyện V](#) cấp giấy CNQSD đất số 527 ngày 23/11/1998 với diện tích 200m² đất ở, diện tích đất ngoài giấy 672,3m²);

(2) Thửa đất số 6 tờ bản đồ GPMB số 01, tương ứng thửa đất số 956, tờ bản đồ giải thửa số I (2), tổng diện tích 329,6, thu hồi 268,9m²; diện tích còn lại 60,7m²;

(3) Thửa đất số 14e tờ bản đồ GPMB số 1, diện tích 121,8m² thu hồi hết.

Ngày 16/12/2019, [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định thu hồi đất số 4939/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4940/QĐ-UBND, theo đó gia đình ông [K](#) được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.523.121.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Về đất: 200m² đất ở x 2.300.000 = 460.000.000đ; đất nông nghiệp 1.063,2m² x 38.000 = 40.394.000đ.

+ Vật kiến trúc: 834.992.000đ

+ Cây cối hoa màu: 41.672.000đ

+ Chính sách hỗ trợ: 146.063.000đ

+ Tái định cư: Gia đình đủ điều kiện được bố trí 01 ô tái định cư theo quy định.

4. Về nhân khẩu hộ khẩu của hộ gia đình ông [Nguyễn Văn K](#)

- Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2019 được đăng ký tại [Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V](#) thì chị [Nguyễn Thị T2](#) (con gái ông [Nguyễn Văn K](#)) và anh [Nguyễn Đăng L](#) đăng ký kết hôn ngày 30/7/2019 (Sau ngày có Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017 của [UBND huyện V](#) để thực hiện GPMB dự án).

- Sổ hộ khẩu số 080 của hộ ông Nguyễn Văn K thể hiện anh Nguyễn Đăng L (con rể) nhập khẩu cùng hộ khẩu gia đình ông K ngày 05/8/2019, cháu Nguyễn Bảo H (con anh, chị Nguyễn Thi T2, Nguyễn Đăng L) sinh ngày 22/02/2020.

Căn cứ pháp luật để giải quyết nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn K.

+ *Đối với nội dung đề nghị được bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ 400m² đất ở theo hạn mức*

Thửa đất của ông Nguyễn Duy K2 (Nguyễn Văn K) được UBND huyện V ban hành Quyết định giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở và có Giấy báo nộp tiền sử dụng đất diện tích 200m², hộ ông Nguyễn Văn K đã nộp số tiền 600.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó UBND huyện V cấp giấy CNQSD số 527/QSĐĐ ngày 23/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn K với tổng diện tích 200m² đất ở; Nguồn gốc của diện tích 672,3m² tăng thêm do hộ ông K sử dụng vào mục đích trồng cây ôn định từ năm 1998 đến thời điểm thu hồi đất.

- Căn cứ Điều 19 Luật Đất đai năm 1993: “*Các căn cứ để quyết định giao đất: 1- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. 2- Yêu cầu sử dụng đất ghi trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật và trong thiết kế đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc đơn xin giao đất*”.

- Căn cứ Điều 22 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối không phải trả tiền sử dụng đất; nếu được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích khác thì phải trả tiền sử dụng đất, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Chính phủ*”.

- Căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:*

...d) Kế hoạch giao đất khu dân cư nông thôn để Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở”

- Căn cứ Khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Quyết định 3000/2017QĐ-UBND ngày 02/08/2017 của UBND tỉnh Q quy định: “*Việc xác định diện tích đất ở căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo đúng quy định của pháp luật về đất đai...*”

Căn cứ các quy định như trên thì hộ ông [Nguyễn Văn K](#) được [Ủy ban nhân dân huyện V](#) giao đất có thu tiền sử dụng đất, không phải trường hợp công nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, nội dung khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ 400m² đất ở theo hạn mức là không có cơ sở giải quyết.

+ Đối với nội dung đề nghị bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ con gái là [Nguyễn Thị T2](#).

- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của [UBND tỉnh Q](#): “3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì việc bố trí tái định cư cho các thế hệ, các cặp vợ chồng cùng chung sống thực hiện như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần hạn mức giao đất, công nhận đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bố trí 01 ô đất tái định cư.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 2,5 lần hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở tại nơi có đất bị thu hồi do [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) thì được bố trí 02 ô đất tái định cư”.

Theo quy định nêu trên thì hộ ông [K](#) đã được bố trí 01 ô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định.

- Mặt khác, liên quan đến nội dung xử lý trường hợp phát sinh nhân khẩu, cặp vợ chồng sau Thông báo thu hồi đất, [Sở T4](#) có văn bản số 4230/TNMT-ĐKĐĐ ngày 25/6/2021, về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn [huyện V](#) trong đó có nội dung: “Việc xác định các thế hệ, các cặp vợ chồng để thực hiện chính sách tái định cư được xác định tại thời điểm Thông báo thu hồi đất, không xác định với trường hợp nhập khẩu sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất”; Trên cơ sở đó UBND tỉnh đã có Văn bản số 4753/UBND-QLĐĐ2 ngày 23/7/2021 về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn [huyện V](#), có nội dung: “Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý với đề xuất của [Sở T4](#) tại mục 2,3 Công văn số 4230/UBND-ĐKĐĐ ngày 25/6/2021...”

Căn cứ vào các quy định và các văn bản hướng dẫn nêu trên và hồ sơ, tài liệu do [UBND huyện V](#) cung cấp, đối chiếu với trường hợp ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị thì con rể ông [K](#) là anh [Nguyễn Đăng L](#) nhập khẩu vào hộ ông [K](#) ngày 05/8/2019, tức là sau ngày UBND huyện Vân Đồn ban hành Thông báo Thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017. Tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất trên thửa đất ở thu hồi chỉ có 01 cặp vợ chồng chung sống đó là ông, bà [Nguyễn Văn K](#), [Lương Thị K1](#).

Như vậy, nội dung ông [Nguyễn Văn K3](#) đề nghị được bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ con gái [Nguyễn Thị T2](#) là không có cơ sở giải quyết.

Trên cơ sở kết quả xác minh và các căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#)” với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V](#) về nội dung: (1) Đề nghị bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở cho gia đình; (2) Đề nghị bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ con gái và con rể là [Nguyễn Đăng L](#), [Nguyễn Thị T2](#) là đúng quy định của pháp luật.

* Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND và [UBND huyện V](#) trình bày:

Về vị trí, nguồn gốc quá trình sử dụng thửa đất:

Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản gắn liền với đất do [Ủy ban nhân dân xã Đ](#) lập ngày 12/02/2023 (thay thế cho bản chứng nhận ngày 06/8/2019) và Bản chứng nhận ngày 20/3/2023 (đính chính thửa số 961 thành thửa 966 tờ bản đồ số I (2), tại mục 8.1 của Bản chứng nhận ngày 12/02/2023), cho thấy:

Thửa đất số 5 tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng thửa đất số 966, tờ bản đồ giải thửa số I (2)) như sau:

- Về đất: Tổng diện tích thửa đất: 872,3m²; Diện tích đất thu hồi: 872,3m²; Diện tích còn lại: 0,0m².

- Nguồn gốc sử dụng đất:

+ Diện tích 200m² (đất ở nông thôn): Ngày 05/5/1998, [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định số 286/QĐ-UB “Về việc giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở” cho ông [Nguyễn Duy K2](#) ([Nguyễn Văn K](#)); Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) được [UBND huyện V](#) cấp giấy CNQSD đất số 527, diện tích 200m² (nhà ở).

+ Diện tích tăng 672,3m² so với giấy CNQSD đất: Do ông [Nguyễn Văn K](#) sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây từ năm 1998 cho đến thời điểm thu hồi đất.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn: 200m²

- Hiện trạng sử dụng diện tích 672,3m² đất trồng cây và xây dựng công trình.

Hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông [Nguyễn Văn K](#):

Tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông [Nguyễn Văn K](#) ([Nguyễn Duy K2](#)) thể hiện:

Ngày 30/3/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) có đơn xin đất làm nhà. Nội dung trong đơn ghi “*Hiện nay tôi mới xây dựng gia đình, gia đình tôi anh em còn đông, gia đình chật hẹp. Vậy tôi viết đơn này để các quý ban ngành giải quyết cho tôi. Vị trí khu đất xin: Đất đấu thầu nhà ông [Trần L1](#) cạnh bờ tre sau nhà [Dương S](#)”;*

Ngày 05/5/1998, [Ủy ban nhân dân huyện V](#) có Quyết định số 286/QĐ-UB về việc giao quyền sử dụng 200m² đất cho ông [Nguyễn Duy K2](#) để xây dựng nhà ở;

Đơn xin cấp Giấy CNQSD đất không ghi ngày tháng năm mang tên ông [Nguyễn Duy K2](#) được [UBND xã Đ](#) xác nhận nội dung: “*Diện tích xin cấp: 200m². Mục đích sử dụng: làm nhà ở; thời hạn sử dụng: ổn định lâu dài*”;

+ Biên bản kiểm tra thực địa không ghi ngày tháng năm mang tên ông [Nguyễn Duy K2](#) được [UBND xã Đ](#) xác nhận nội dung: “*Vị trí, địa danh thửa đất: số thửa 966; thực trạng sử dụng đất: 200m²; diện tích đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận 200m²*”;

Ngày 24/10/1998, phòng Địa chính [huyện V](#) có giấy báo nộp tiền số 18-GB/ĐC gửi đến ông [Nguyễn Duy K2](#), được giao đất tại [khu C, xã Đ, huyện V](#), vị trí được giao tờ bản đồ số I (2) số thửa 1 (966) diện tích được giao 200m², đơn giá tiền sử dụng đất 3.000đ/m².

Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) kê khai nộp tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở diện tích 200m² tại tờ bản đồ số I (2) số thửa 1 (966) [thôn C, xã Đ, huyện V](#).

Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) nộp 600.000đ tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước;

Ngày 23/11/1998, ông [Nguyễn Duy K2](#) được [UBND huyện V](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 527/QSDĐ với tổng diện tích 200m² đất ở (trang 4 có nội dung đính chính Nguyễn Duy Khánh thành [Nguyễn Văn K](#)).

Việc thu hồi đất, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông [Nguyễn Văn K](#):

Thực hiện dự án khu xen kẹp giữa cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến giao thông trục chính nối các khu chức năng chính [khu K tại xã Đ, huyện V](#). Ngày 21/4/2017, [UBND huyện V](#) có Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND để thực hiện GPMB dự án.

Theo đó, diện tích đất gia đình ông [K](#) đang sử dụng nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng, cụ thể gồm 03 thửa đất như sau: (1) Thửa đất số 5 tờ bản đồ GPMB số 01, tương ứng thửa đất số 966 diện tích, tờ bản đồ giải thửa số I (2), tổng diện tích thửa đất 872,3m², thu hồi hết (thửa đất đã được [UBND huyện V](#) cấp giấy CNQSD đất số 527 ngày 23/11/1998 với diện tích 200m² đất ở, diện tích đất ngoài giấy 672,3m²; (2) Thửa đất số 6 tờ bản đồ GPMB số 01, tương

ứng thửa đất số 956, tờ bản đồ giải thửa số I (2), tổng diện tích 329,6m²; thu hồi 268,9m²; diện tích còn lại 60,7m² (3) Thửa đất số 14e tờ bản đồ GPMB số 1, diện tích 121,8m² thu hồi hết.

Ngày 16/12/2019, [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định thu hồi đất số 4939/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4940/QĐ-UBND, theo đó gia đình ông [K](#) được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.523.121.000 đồng, cụ thể như sau:

Về đất: 200m² đất ở x 2.300.000đ = 460.000.000đ; đất nông nghiệp 1.063,2m² x 38.000đ = 40.394.000đ; Vật kiến trúc: 834.992.000đ; Cây cối hoa màu: 41.672.000đ; Chính sách hỗ trợ: 146.063.000đ; Tái định cư: Gia đình đủ điều kiện được bố trí 01 ô tái định cư theo quy định.

Về nhân khẩu hộ khẩu của hộ gia đình ông [Nguyễn Văn K](#):

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2019 được đăng ký tại [UBND xã Đ, huyện V](#) thì chị [Nguyễn Thị T2](#) (con gái ông [Nguyễn Văn K](#)) và anh [Nguyễn Đăng L](#) đăng ký kết hôn ngày 30/7/2019 (Sau ngày có Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017 của [UBND huyện V](#) để thực hiện GPMB dự án).

Sổ hộ khẩu số 080 của hộ ông [Nguyễn Văn K](#) thể hiện anh [Nguyễn Đăng L](#) (con rể) nhập khẩu cùng hộ khẩu gia đình ông [K](#) ngày 05/8/2019, cháu [Nguyễn Bảo H](#) (con anh, chị [Nguyễn Thị T2](#), [Nguyễn Đăng L](#)) sinh ngày 22/02/2020.

Đối với nội dung đề nghị được bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ 400m² đất ở theo hạn mức:

Thửa đất của ông [Nguyễn Duy K2](#) ([Nguyễn Văn K](#)) được [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở và có Giấy báo nộp tiền sử dụng đất diện tích 200m², hộ ông [Nguyễn Văn K](#) đã nộp số tiền 600.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó [UBND huyện V](#) cấp giấy CNQSDĐ số 527/QSDĐ ngày 23/11/1998 cho hộ ông [Nguyễn Văn K](#) với tổng diện tích 200m² đất ở; Nguồn gốc của diện tích 672,3m² tăng thêm do hộ ông [K](#) sử dụng vào mục đích trồng cây ổn định từ năm 1998 đến thời điểm thu hồi đất.

- Căn cứ Điều 19 Luật Đất đai năm 1993: “*Các căn cứ để quyết định giao đất: 1- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. 2 - Yêu cầu sử dụng đất ghi trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật và trong thiết kế đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc đơn xin giao đất*”.

- Căn cứ Điều 22 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối không phải trả tiền sử dụng đất; nếu được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích khác thì phải*

trả tiền sử dụng đất, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Chính phủ”.

- Căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:*

...d) Kế hoạch giao đất khu dân cư nông thôn để Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở”

- Căn cứ Khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/08/2017 của [UBND tỉnh Q](#) quy định: “*Việc xác định diện tích đất ở căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo đúng quy định của pháp luật về đất đai...*”

Căn cứ các quy định như trên thì hộ ông [Nguyễn Văn K](#) được [Ủy ban nhân dân huyện V](#) giao đất có thu tiền sử dụng đất, không phải trường hợp công nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, nội dung ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị được bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ 400m² đất ở theo hạn mức là không có cơ sở.

Đối với nội dung đề nghị bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ con gái và con rể là [Nguyễn Đăng L](#), [Nguyễn Thi T2](#), cháu [Nguyễn Bảo H](#) (sinh năm 2020):

- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của [UBND tỉnh Q](#): “3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì việc bố trí tái định cư cho các thế hệ, các cặp vợ chồng cùng chung sống thực hiện như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần hạn mức giao đất, công nhận đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bố trí 01 ô đất tái định cư.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 2,5 lần hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở tại nơi có đất bị thu hồi do [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) thì được bố trí 02 ô đất tái định cư”.

Theo quy định nêu trên thì hộ ông [K](#) đã được bố trí 01 ô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định.

- Mặt khác, liên quan đến nội dung xử lý trường hợp phát sinh nhân khẩu, cặp vợ chồng sau Thông báo thu hồi đất, [Sở T4](#) có văn bản số 4230/TNMT-ĐKĐĐ ngày 25/6/2021, về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn [huyện V](#) trong đó có nội dung: “Việc xác định các thế hệ, các cặp vợ chồng để thực hiện chính sách tái định cư được xác định tại thời điểm có Thông báo thu hồi đất, không xác định với trường hợp nhập khẩu sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất”; Trên cơ sở đó UBND tỉnh đã có Văn bản số 4753/UBND-QLĐĐ2 ngày 23/7/2021 về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn [huyện V](#), có nội dung: “Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý với đề xuất của [Sở T4](#) tại mục 2,3 Công văn số 4230/UBND-ĐKĐĐ ngày 25/6/2021...”

Căn cứ vào các quy định và các văn bản hướng dẫn nêu trên và hồ sơ, tài liệu do [UBND huyện V](#) cung cấp, đối chiếu với trường hợp ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị thì con rể ông [K](#) là anh [Nguyễn Đăng L](#) nhập khẩu vào hộ ông [K](#) ngày 05/8/2019, tức là sau ngày UBND huyện Vân Đồn ban hành Thông báo Thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017. Tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất trên thửa đất ở thu hồi chỉ có 01 cặp vợ chồng chung sống đó là ông, bà [Nguyễn Văn K](#), [Lương Thị K1](#).

Như vậy, nội dung ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị được bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ con gái là [Nguyễn Thị T2](#), chồng là [Nguyễn Đăng L](#), cháu [Nguyễn Bảo H](#) (sinh năm 2020) là không có cơ sở giải quyết.

* Đại diện của [UBND xã Đ](#) có quan điểm tương tự quan điểm của Chủ tịch và [UBND huyện V](#) về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

* Tại Bản án hành chính thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí toà án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thị K1](#) về các nội dung:

(1) Hủy Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) (lần hai); Quyết định số 5473/QĐ-CT ngày 10/10/2022 của Chủ tịch [UBND huyện V](#) về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) (lần đầu);

(2) Buộc [UBND huyện V](#) phải xác định lại hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình chúng tôi tại thời điểm nộp hồ sơ cấp GCNQSD đất hợp lệ và sửa đổi phương án bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở cho gia đình chúng tôi; (3) Buộc [UBND huyện V](#) bố trí thêm 01 ô đất tái

định cư cho hộ phụ chủ là vợ chồng con gái con rể [Nguyễn Đăng L](#) – [Nguyễn Thi T2](#).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2023, người khởi kiện là ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thi K1](#) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thi K1](#) giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và sửa bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Phía người bị kiện cho rằng gia đình ông [K](#) chỉ được cấp hạn mức đất ở là 200m² là không đúng và đã không áp dụng đúng tinh thần Văn bản số 7991/UBND-QLĐĐ2 ngày 28/12/2015 và Văn bản số 5791/UBND-QLĐĐ1 ngày 16/9/2016 của [UBND tỉnh Q](#), để xác định lại hạn mức đất ở cho gia đình ông [K](#) tại thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ và sửa đổi phương án bồi thường, để bồi thường đủ hạn mức 400m² đất ở (bồi thường thêm 200m² đất ở).

Phía người bị kiện cho rằng chị [Nguyễn Thi T2](#) (con gái ông [Nguyễn Văn K](#)) và anh [Nguyễn Đăng L](#) đăng ký kết hôn ngày 30/7/2019 (sau ngày có Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017 của [UBND huyện V](#) để thực hiện GPMB dự án), nên không được cấp tái định cư là không đúng, vì luật quy định thời điểm Thông báo thu hồi đất là không được tạo tài sản mới trên đất bị thông báo thu hồi không liên quan đến việc cấp tái định cư và hiện nay vợ chồng chị [T2](#) không có chỗ ở khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) trình bày: Thống nhất với trình bày của Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: kháng cáo của người bị kiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền cũng như nội dung ban hành các quyết định trong đó có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông [K](#) là có căn cứ pháp luật. Nên Chủ tịch [UBND huyện V](#) đã ban hành Quyết định số 5473/QĐ-CT ngày 10/10/2022 về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#), trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) (lần đầu) và Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) đã ban hành Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#) (lần hai) là có căn cứ

đúng pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông [K](#), bà [K1](#) là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện có kháng cáo không đưa ra được tình tiết mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông [K](#), bà [K1](#); giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng của người bị kiện là ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thị K1](#) trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định tư các những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt; người bị kiện vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày và không có kháng cáo và vụ án được đưa ra xét xử nhiều lần. Do đó, căn Điều 225 Luật tố tụng hành chính vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định:

[2.1] Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định.

Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện V; Quyết định số 308/QĐ-BQLKKT ngày 24/11/2016 của Ban Q1, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu xen kẹp giữa Cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính khu K tại xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

Ngày 21/4/2017, UBND huyện V ban hành Thông báo số 197/TB-UBND để thực hiện GPMB Khu xen kẹp giữa Cảng hàng không Q với tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính khu K tại xã Đ, huyện V.

Ngày 27/8/2018, UBND huyện V ban hành Thông báo số 355/TB-UBND về việc xác định loại đất phục vụ công tác GPMB Khu xen kẹp giữa Cảng hàng không Q với tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính khu K tại xã Đ, huyện V (đợt H).

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4339/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ gia đình ông bà [Nguyễn Văn K](#) – [Lương Thị K1](#) trú tại [thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh](#) để thực hiện GPMB Khu xen kẹp

giữa cảng hàng không quốc tế Vân Đồn với tuyến đường giao thông trục nối các khu chức năng chính Khu K (thuộc dự án: Khu xen kẹp giữa cảng hàng không quốc tế V với tuyến đường giao thông trục nối các khu chức năng chính Khu K tại xã Đ, huyện V);

Ngày 16/12/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4340/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông, bà Nguyễn Văn K – Lương Thị K1; trú tại thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện GPMB Khu xen kẹp giữa cảng hàng không quốc tế Vân Đồn với tuyến đường giao thông trục nối các khu chức năng chính Khu K (thuộc dự án: Khu xen kẹp giữa cảng hàng không quốc tế V với tuyến đường giao thông trục nối các khu chức năng chính Khu K tại xã Đ, huyện V).

Ông K khiếu nại Quyết định số 4339/QĐ-UBND và Quyết định số 4340/QĐ-UBND, đề nghị UBND huyện V bồi thường bổ sung thêm 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở; bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho vợ chồng con gái và trả thêm khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường.

Ngày 10/10/2022, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5473/QĐ-CT không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn K.

Ông K khiếu nại Quyết định số 5473/QĐ-CT đến Chủ tịch UBND tỉnh Q, đề nghị bồi thường bổ sung thêm 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở; bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho vợ chồng con gái.

Ngày 04/5/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1117/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn K.

Thấy rằng: Quyết định số 4573/QĐ-CT ngày 10/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K (lần đầu) và Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K (lần 2) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức văn bản theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với Quyết định số 4339/QĐ-UBND; Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 UBND huyện V về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông, bà Nguyễn Văn K – Lương Thị K1, trú tại thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện GPMB Khu xen kẹp giữa cảng hàng không quốc tế Vân Đồn với tuyến đường giao thông trục nối các khu chức năng chính Khu K được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Căn cứ vào bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 02/5/2018; ngày 06/8/2019 (thay thế bản chứng nhận ngày 02/5/2018) và bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 20/3/2023 (*đính chính số thửa 961 thành số thửa 966 từ bản đồ giải thửa số 1(2) tại mục 8.1 của bản chứng nhận ngày 12/02/2023 do lỗi soạn thảo văn bản*) của [UBND xã Đ, huyện V](#), gia đình ông, bà [Nguyễn Văn K – Lương Thị K1](#) bị thu hồi 03 thửa đất để thực hiện dự án gồm:

(1) Thửa đất số 5 từ bản đồ GPMB số 01, tương ứng thửa đất số 966 diện tích, từ bản đồ giải thửa số I(2), tổng diện tích thửa đất 872,3m², thu hồi hết (thửa đất đã được [UBND huyện V](#) cấp GCNQSD đất số 527 ngày 23/11/1998 với diện tích 200m² đất ở, diện tích đất ngoài giấy 672,3m²);

Nguồn gốc sử dụng: Diện tích 200m² (đất ở nông thôn): Ngày 05/5/1998 [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định số 286/QĐ/UB “V/v giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở” cho ông [Nguyễn Duy K2 \(Nguyễn Văn K\)](#). Ngày 23/11/1998, ông [K](#) được [UBND huyện V](#) cấp GCNQSD đất số 527, diện tích 200m² (nhà ở).

Diện tích tăng 672,3m² so với GCNQSD đất: Do ông [Nguyễn Văn K](#) sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây từ năm 1998 cho đến thời điểm thu hồi đất.

Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn: 200m²;

Hiện trạng sử dụng diện tích 672,3m² trồng cây + xây dựng công trình.

(2) Thửa đất số 6 từ bản đồ GPMB số 01, tương ứng thửa đất số 956, từ bản đồ giải thửa số I (2), tổng diện tích 329,6m²; thu hồi 268,9m²; diện tích còn lại 60,7m². Nguồn gốc sử dụng: do ông [Nguyễn Văn K](#) sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

(3) Thửa đất số 14e từ bản đồ GPMB số 1, diện tích 121,8m² thu hồi hết. Nguồn gốc sử dụng: do ông [Nguyễn Văn K](#) sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Tại Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của [UBND huyện V](#) thu hồi đất của hộ gia đình ông, bà [Nguyễn Văn K – Lương Thị K1](#) như sau:

Thu hồi 1.263m², trong đó đất ở: 200m² vị trí tại thửa số 5, từ bản đồ GPMB số 1; Đất trồng cây lâu năm: 1.063m², vị trí thu hồi tại các thửa 05, 06 và 14e từ bản đồ GPMB số 1 tại [thôn K, xã Đ, huyện V](#).

Tại Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 [UBND huyện V](#) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông, bà [Nguyễn Văn K – Lương Thị K1](#) như sau:

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi trả cho hộ dân: 1.523.121.000đ;

Trong đó: Về đất: Đất ở: 200m² x 2.300.000đ = 460.000.000đ; Đất nông nghiệp: 1.063,2m² x 38.000đ = 40.394.000đ; Vật kiến trúc: 834.992.000đ; Cây

cổ hoa màu: 41.672.000đ; Chính sách hỗ trợ: 146.063.000đ; Tái định cư: Gia đình được bố trí 01 ô đất tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

[2.2.2] Xét yêu cầu buộc [UBND huyện V](#) phải xác định lại hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình tại thời điểm nộp hồ sơ cấp GCNQSD đất hợp lệ và sửa đổi phương án bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ hạn mức 400m² đất ở, thấy rằng:

Trên cơ sở đơn xin đất làm nhà và đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông [Nguyễn Duy K2](#) (tức [Nguyễn Văn K](#)), ngày 05/5/1998, [UBND huyện V](#) ban hành Quyết định số 286 QĐ/UB “V/v giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở” diện tích 200m². Ngày 24/10/1998 Phòng Địa chính [huyện V](#) ban hành Giấy báo nộp tiền sử dụng đất diện tích 200m², tại vị trí tờ bản đồ số I (2) số thửa 1 (966), đơn giá 3.000đ/1m². Ông [Nguyễn Văn K](#) đã nộp số tiền 600.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó [UBND huyện V](#) cấp giấy CNQSD số 527/QSĐĐ ngày 23/11/1998 cho hộ ông [Nguyễn Văn K](#) với tổng diện tích 200m² đất ở;

Đối với diện tích 672,3m² tăng thêm do hộ ông [K](#) sử dụng vào mục đích trồng cây ôn định từ năm 1998 đến thời điểm thu hồi đất. Diện tích này nằm ngoài diện tích được [UBND huyện V](#) giao.

Đối chiếu quy định tại Điều 22; điểm d Khoản 3 Điều 23; Khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 4 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 3000/2017QĐ-UBND ngày 02/08/2017 của [UBND tỉnh Q](#), thấy rằng hộ ông [Nguyễn Văn K](#) được [Ủy ban nhân dân huyện V](#) giao đất có thu tiền sử dụng đất, không phải trường hợp công nhận quyền sử dụng đất. Do đó ông [Nguyễn Văn K](#) đề nghị xác định lại hạn mức đất ở, bồi thường bổ sung 200m² đất ở để đủ 400m² đất ở theo hạn mức là không có căn cứ.

[2.2.3] Xét yêu cầu bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ phụ chủ là vợ chồng con gái con rể [Nguyễn Đăng L](#) – [Nguyễn Thị T2](#), thấy rằng:

Tại thời điểm [UBND huyện V](#) ban hành Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017 hộ ông [K](#) gồm có 04 nhân khẩu: gồm [Nguyễn Văn K](#) (chủ hộ); [Nguyễn Thị K4](#) (vợ); con gái là [Nguyễn Thị T2](#) và [Nguyễn Thu T3](#).

Chị [Nguyễn Thị T2](#) và anh [Nguyễn Đăng L](#) đăng ký kết hôn ngày 30/7/2019 (tức sau ngày UBND huyện Vân Đồn ban hành Thông báo thu hồi đất số 197/TB-UBND ngày 21/4/2017); anh [L](#) nhập khẩu vào hộ khẩu gia đình ông [K](#) ngày 05/8/2019.

Hộ ông bà [Nguyễn Văn K](#) – [Lương Thị K1](#) bị thu hồi 200m² đất ở; ông [K](#) bà [K1](#) không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn [xã Đ](#) là nơi có đất bị thu hồi.

Căn cứ Điều 79 Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 18 Quy định về

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của [UBND tỉnh Q](#) cũng như theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Quyết định số 3000/2017 nêu trên: “3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì việc bố trí tái định cư cho các thế hệ, các cặp vợ chồng cùng chung sống thực hiện như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần hạn mức giao đất, công nhận đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bố trí 01 ô đất tái định cư.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 2,5 lần hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở tại nơi có đất bị thu hồi do [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) thì được bố trí 02 ô đất tái định cư”.

Nên, hộ ông [K](#) đã được bố trí 01 ô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định. Do đó, ông [K](#) yêu cầu bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho hộ phụ chủ là vợ chồng con gái, con rể [Nguyễn Đăng L](#) và [Nguyễn Thị T2](#) là không có căn cứ pháp luật.

Những căn cứ trên thì Quyết định số 4339/QĐ-UBND và Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của [UBND huyện V](#) về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông, bà [Nguyễn Văn K](#) – [Lương Thị K1](#) là đúng quy định của pháp luật.

Do việc ban hành quyết định 4339/QĐ-UBND và Quyết định 4340/QĐ-UBND đúng quy định, nên việc ban hành Quyết định số 4573/QĐ-CT ngày 10/10/2022 của Chủ tịch [UBND huyện V](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#) (lần đầu) và ban hành Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh Q](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn K](#) (lần 2) là có căn cứ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện là ông [K](#), bà [K1](#) có kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của ông [K](#) bà [K1](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nào khác so với phiên tòa sơ thẩm để làm thay đổi bản chất vụ án và làm căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo; cần thiết giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông [K](#) và bà [K1](#) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thị K1](#);

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông [Nguyễn Văn K](#) và bà [Lương Thị K1](#) phải nộp mỗi người 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005677 và 0005678 cùng ngày 01/11/2023. Xác nhận ông [K](#) và bà [K1](#) đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Đoàn

Nguyễn Nam Thành

Đặng Văn Hưng